

Bản án số: 31/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16- 8- 2024

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM THAO - TỈNH PHÚ THỌ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Thanh Loan

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Trung Tĩnh và ông Trần Gia Phụng

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Duyên – Thư ký Toà án nhân dân huyện

Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:*** bà Nguyễn Thị Ngọc Lệ - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 166/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1953

Địa chỉ: Khu A, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

*Bị đơn:* ông Tạ Quang T1, sinh năm 1958

Địa chỉ: Khu A, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

(Bà T có mặt; ông T1 vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, các tài liệu bổ sung, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Bà T và ông Tạ Quang T1 tự nguyện kết hôn với nhau ngày 14/8/2020, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Tuy nhiên, đến ngày 27/02/2022 bà mới chuyển về sinh sống cùng ông T1. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, mâu thuẫn với nhau trong sinh hoạt hàng ngày, bất đồng quan điểm sống về kinh tế dẫn đến tình cảm vợ chồng dần nứt không hàn gắn được. Bà T đã bỏ về nhà ở thị xã V ở từ ngày 18/12/2023 (âm lịch) đến nay, vợ chồng sống ly thân. Nay bà

T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T1.

Về con chung, tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp, đất nông nghiệp: bà T xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

**Quá trình giải quyết vụ án, ông Tạ Quang T1 trình bày (BL 40):**

Ông T1 và bà T tự nguyện đăng kí kết hôn ngày 14/8/2020 trên cơ sở tự nguyện. Sau kết hôn đến năm 2023 bà T mới về chung sống cùng ông ở khu A xã T, huyện L. Cuộc sống gia đình hòa thuận hạnh phúc nhưng đến tháng 11/2023 bà T đã bỏ đi đâu ông không rõ và không biết lý do, từ đó đến nay ông bà đã sống ly thân.

Nay bà T xin ly hôn, ông thấy gia đình là quan trọng nhất đối với ông, ông T1 xin được đoàn tụ để vợ chồng về chăm sóc nhau.

Về con chung, tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp, đất nông nghiệp: ông T1 xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao phát biểu quan điểm:*

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và đương sự đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

Đề nghị HĐXX xử cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Tạ Quang T1.

+ Về tài sản chung, công nợ, công sức: không xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

+ Về án phí: Đề nghị miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho bà T do bà T là người cao tuổi.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị T đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Tạ Quang T1 là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Ông T1 có hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông T1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất, có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. HĐXX căn cứ Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông T1 là phù hợp pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

\* Về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà T và ông T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ ngày 14/8/2020 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do giữa bà T và ông T1 mâu thuẫn với nhau trong sinh hoạt hàng ngày, bất đồng quan điểm sống. Qua việc xác minh ý kiến của Chính quyền địa phương cung cấp thông tin cho biết, bà T và ông T1 có mâu thuẫn gia đình nhưng nguyên nhân mâu thuẫn là gì địa phương không nắm được. Bà T hiện không còn chung sống cùng ông T1 ở địa phương, đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định pháp luật.

Ông T1 không nhất trí ly hôn, mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để chăm sóc nhau nhưng bản thân ông T1 không đưa ra được giải pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hai bên đều xác nhận vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2023 đến nay. Có thể thấy tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông T1 không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, xử cho bà T được ly hôn ông T1 là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp, ruộng đất nông nghiệp: bà T và ông T1 đều xác định không có, không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên bà T là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn án phí, vì vậy xét miễn án phí cho bà T là phù hợp.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ Khoản 1 Điều 12, Khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Tạ Quang T1.

[2] Về án phí: Miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị T.

Bà T có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông T1 vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh PT
- VKSND huyện Lâm Thao;
- Các Đương sự;
- Chi cục THADS h Lâm Thao;
- UBND xã Tiên Kiên.
- Lưu HS; VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Hà Thanh Loan**